

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN CHÂU**

Số: 750 /BC-UBND

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Tân Châu, ngày 19 tháng 9 năm 2022

BÁO CÁO

Tình hình thực hiện thu - chi ngân sách nhà nước 09 tháng đầu năm 2022 và phương hướng, nhiệm vụ 03 tháng cuối năm 2022.

Căn cứ Nghị quyết số 50/NQ-HĐND ngày 17/12/2021 của Hội đồng nhân dân huyện Tân Châu về phương án phân bổ ngân sách địa phương năm 2022;

Căn cứ Quyết định số 7200/QĐ-UBND ngày 20/12/2021 của UBND huyện Tân Châu về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2022 trên địa bàn huyện Tân Châu;

Qua thời gian triển khai thực hiện, UBND huyện Tân Châu báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ thu, chi NSNN 09 tháng đầu năm 2022 và phương hướng, nhiệm vụ 03 tháng cuối năm 2022 trên địa bàn huyện. Cụ thể như sau:

PHẦN THỨ NHẤT

KẾT QUẢ ƯỚC THỰC HIỆN THU - CHI NSNN 09 THÁNG ĐẦU NĂM 2022

I. DỰ TOÁN THU - CHI NSNN NĂM 2022:

1. Dự toán thu NSNN trên địa bàn	459.250 triệu đồng
- Thu cân đối NSNN	228.400 triệu đồng
- Thu tỉnh quản lý điều tiết NS theo tỷ lệ %	94.940 triệu đồng
- Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	135.910 triệu đồng
+ <i>Bổ sung cân đối</i>	135.150 triệu đồng
+ <i>Bổ sung mục tiêu</i>	760 triệu đồng
2. Dự toán chi ngân sách địa phương	459.250 triệu đồng
- Chi cân đối NS	458.490 triệu đồng
- Chi từ nguồn BSMT	760 triệu đồng

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN THU - CHI NSNN 09 THÁNG ĐẦU NĂM 2022:

1. Về thu NSNN:

1.1 Kết quả thực hiện.

Tổng thu NSNN trên địa bàn đến ngày 31/08/2022 là: 592.805 triệu đồng, đạt: 129,08% so với dự toán năm (459.250 triệu đồng). Trong đó, thu cân đối NS (phần huyện quản lý thu) là 283.324 triệu đồng đạt 124,05% so dự toán (228.400 triệu đồng), tăng thu cân đối so dự toán là 54.924 triệu đồng. Nguồn thu tỉnh quản lý điều tiết cho huyện là 65.728 triệu đồng, đạt 69,23% so dự toán, tăng thu so kế hoạch là 2.435 triệu đồng.

Ước thực hiện thu NSNN 09 tháng đầu năm 2022 là: 627.530 triệu đồng, ước đạt: 136,64% so với dự toán năm (459.250 triệu đồng). Trong đó, ước thu cân đối (phần huyện quản lý thu) là 308.325 triệu đồng, ước đạt 134,99% so dự toán năm (228.400 triệu đồng).

Kèm theo phụ biểu thu.

1.2. Phân tích, đánh giá kết quả thu ngân sách

*** Phân tích:**

Theo các sắc thuế:

- Có 3/10 khoản thu, sắc thuế thực hiện hoàn thành dự toán (trên 100%): Thuế TNCN 245,54%; thu tiền thuê mặt đất, mặt nước 293,15%; Lệ phí trước bạ 191,08%.

- Có 7/10 khoản thu, sắc thuế thực hiện đạt tiến độ dự toán (trên 66,67%): Thu khác NS 85,58%; Thu tiền sử dụng đất 82,34%; Thu từ lĩnh vực CTN-NQD 93,73%; Thu khác tại xã đạt 91,50%.

- Có 2/10 khoản thu, sắc thuế thực hiện chưa đạt tiến độ dự toán (dưới 66,67%): Thuế SD đất phi NN 65,0%; Phí và lệ phí 65,74%.

- Có 01/10 nguồn thu, sắc thuế không giao dự toán: Thuế sử dụng đất nông nghiệp.

Theo khối quản lý:

- Có 9/12 đơn vị thực hiện hoàn thành dự toán (trên 100%): Suối Dây 141,96%; Tân Thành 151,24%; Tân Hà 177,78%; Tân Hội 185,05%; Tân Hưng 187,92%; Tân Phú 199,37%; Tân Hòa 200,6%; Thạnh Đông 200,6%; Tân Hiệp 224,8%.

- Có 3/12 đơn vị đều thực hiện đạt tiến độ dự toán (trên 66,67%): Thị Trấn 90,03%; Tân Đông 90,59%; Suối Ngô 97,08%.

*** Đánh giá.**

a. Thuận lợi:

Năm 2022, là năm thứ hai thực hiện Nghị quyết Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm giai đoạn 2021-2030 và Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 – 2025, là năm đầu của thời kỳ ổn định NSNN giai đoạn 2022-2025, theo tỷ lệ phân cấp nhiệm vụ thu mới, tỉnh đã tính lại nguồn thu cho phù hợp với việc thay đổi cơ chế chính sách, tạo sự chủ động hơn trong công tác điều hành quản lý nguồn thu (dự toán thu năm 2022 có 03 xã, thị trấn tự cân đối nguồn thu từ dự toán tỉnh giao, tỉnh không BSCĐ là UBND thị trấn Tân Châu, xã Suối Dây và xã Suối Ngô).

Công tác thu ngân sách được sự quan tâm chỉ đạo từ cấp ủy Đảng, chính quyền và sự phối hợp chặt chẽ của các cơ quan, đơn vị huyện với các xã - thị trấn ngay từ đầu năm; Công tác phối hợp, quản lý, khai thác nguồn thu được tập trung chỉ đạo quyết liệt, tích cực hơn.

Công tác thu ngân sách nhà nước 08 tháng đầu năm trên địa bàn huyện có nhiều chuyển biến tích cực, tăng thu so với kế hoạch. Một số khoản thu như thuế TNCN, lệ phí trước bạ, thu từ lĩnh vực CTN-NQD, thu tiền sử dụng đất chiếm tỷ trọng cao trong tổng thu ngân sách.

b. Khó khăn, hạn chế:

- Tiến độ thực hiện dự toán thu ngân sách nhà nước 08 tháng đầu năm 2022 trên địa bàn huyện có nhiều chuyển biến tích cực, tăng thu so dự toán. Tuy nhiên, công tác quản lý thuế đạt hiệu quả chưa cao, tổng nợ thuế đến 31/08/2022 là 13.173 triệu đồng, chiếm 5,77% trên dự toán thu và so với nợ thuế thời điểm 31/08/2021 tăng 2.267 triệu đồng (10.906 triệu đồng). Trong đó:

+ Nợ có khả năng thu là 11.284 triệu đồng, chiếm 85,66% tổng nợ thuế và 4,94% trên dự toán thu.

+ Nợ không có khả năng thu là 1.889 triệu đồng, chiếm 14,34% tổng nợ thuế và 0,83% trên dự toán thu.

- Nguyên nhân:

+ Thực hiện Nghị định số 34/2022/NĐ-CP ngày 28/05/2022 của Chính phủ về gia hạn thời hạn nộp thuế GTGT, thuế TNDN, thuế thu nhập cá nhân, tiền thuê đất và Nghị quyết số 43/2022/QH15 ngày 11/01/2022 của Quốc hội về chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ chương trình phục hồi và phát triển kinh tế xã hội.

+ Tình hình dịch bệnh đã làm ảnh hưởng lớn đến sản xuất kinh doanh, chăn nuôi của hộ kinh doanh và người dân.

2. Về chi Ngân sách Nhà nước

2.1 Kết quả thực hiện

Tổng chi Ngân sách Nhà nước trên địa bàn đến ngày 31/08/2022 là: 260.502 triệu đồng, đạt 56,72% so dự toán năm (459.250 triệu đồng). Cụ thể:

- Theo phân cấp ngân sách: Chi NS huyện là 194.733 triệu đồng, đạt: 53,50% so dự toán; Chi NS xã là 65.769 triệu đồng, đạt 69,03% so dự toán.

- Theo nội dung kinh tế: Chi thường xuyên 234.804 triệu đồng, đạt: 61,52% so dự toán. Chi đầu tư XDCB tập trung: 24.240 triệu đồng, đạt 35,85% so dự toán.

Ước thực hiện chi NSNN 09 tháng đầu năm 2022 là: 322.175 triệu đồng, ước đạt: 70,27% so với dự toán năm (459.250 triệu đồng).

Kèm theo phụ biểu chi.

2.2. Phân tích, đánh giá kết quả chi ngân sách:

*** Phân tích:**

Giá trị giải ngân vốn XDCB trong 08 tháng đầu năm đạt tỷ lệ thấp so dự toán giao, nguyên nhân là do nguồn vốn TW mới bổ sung 12.280 triệu đồng thời điểm cuối tháng 8/2022 nên đến nay các công trình thanh toán công nợ chưa kịp thời giải ngân vốn và 11 công trình khởi công mới hiện đang trong quá trình lựa chọn nhà thầu làm kéo giảm tỷ lệ giải ngân so kế hoạch vốn.

Một số nội dung chi sự nghiệp hiện đang trong quá trình phê duyệt dự toán và phân khai kinh phí (sự nghiệp kinh tế như: giao thông, giao thông đô thị,...).

Kết quả triển khai thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính: đã giao tự chủ theo Nghị định số 130/2005/NĐ-CP và Nghị định số 117/2010/NĐ-CP cho 18/18 đơn vị và 12/12 xã, thị trấn; giao tự chủ theo Nghị định số 60/2021/NĐ-CP cho 58/58 đơn vị.

Thực hiện tốt kế hoạch phục vụ Tết Nguyên đán Nhâm Dần năm 2022, đã chi tiền tết cho CBCC khối huyện, xã, thị trấn với tổng số tiền là 1.569 triệu đồng, trong đó ngân sách tỉnh bổ sung có mục tiêu là: 1.152 triệu đồng, ngân sách huyện 417 triệu đồng. Đồng thời, trong điều hành ngân sách phải đảm bảo việc chấp hành ngân sách nhằm giảm áp lực chi, tránh bội chi ngân sách ở mức thấp nhất, tăng cường kiểm soát chi. Kinh phí thực hiện nhiệm vụ phòng, chống dịch bệnh Covid-19 được thẩm định và phân khai cho các đơn vị theo đúng các văn bản hướng dẫn và quy định hiện hành.

Tiến hành đối chiếu số dư dự toán với KBNN huyện để thực hiện công tác khóa sổ và chuyển nguồn ngân sách năm năm 2021 sang năm 2022 theo Công văn số 4315/STC-QLNS ngày 29/12/2021 của Sở Tài chính Tây Ninh đảm bảo theo đúng quy định, với số tiền 210.985 triệu đồng (Ngân sách huyện là 175.174 triệu đồng; Ngân sách xã là 35.811 triệu đồng).

*** Đánh giá:**

a. Thuận lợi.

Thực hiện giao dự toán chi kịp thời, cụ thể theo đúng quy định của tỉnh, chủ động giao kinh phí hoạt động theo từng biên chế tương đương mức tỉnh giao, hạn chế dần cơ chế xin cho, tạo thuận lợi cho các đơn vị thực hiện cơ chế tự chủ về biên chế và tài chính hàng năm.

UBND huyện đã chỉ đạo kịp thời các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức điều hành chi ngân sách trong phạm vi dự toán được duyệt, thực hiện kiểm soát chi chặt chẽ đảm bảo theo đúng định mức, chế độ quy định.

b. Khó khăn, hạn chế:

Tình hình thực hiện nhiệm vụ đầu tư XDCB: Các công trình khởi công mới hiện đang trong quá trình lựa chọn nhà thầu nên chưa có khối lượng hoàn thành đề nghị thanh toán dẫn đến giá trị giải ngân đạt tỷ lệ thấp so kế hoạch vốn.

2.3 Tình hình quản lý, sử dụng tài sản công:

Thực hiện Luật quản lý, sử dụng tài sản công số 15/2017/QH14 ngày 21/06/2017; Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật quản lý, sử dụng tài sản công; Thông tư số 144/2017/TT-BTC ngày 29/12/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung của Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ; Quyết định số 32/2018/QĐ-UBND ngày 29/08/2018 của UBND tỉnh Tây Ninh ban hành Quy định phân cấp thẩm quyền quyết định trong việc quản lý, sử dụng tài sản công trên địa bàn tỉnh Tây Ninh, các đơn vị quản lý, sử dụng tài sản nhà nước trên địa bàn

huyện cơ bản thực hiện đúng quy định về mua sắm trang bị tài sản theo trình tự, thủ tục, tiêu chuẩn, định mức quy định.

PHẦN THỨ HAI

PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ THU - CHI 03 THÁNG CUỐI NĂM 2022

I. VỀ THU NGÂN SÁCH:

1. Nhiệm vụ thu:

Ước thực hiện thu 03 tháng cuối năm 2022 là 107.570 triệu đồng, đạt 23,42% so dự toán giao (459.250 triệu đồng). Trong đó: thu cân đối NS (phần huyện quản lý thu) là 80.175 triệu đồng, ước đạt 35,10% so dự toán (228.400 triệu đồng). Ước thực hiện năm 2022 là 735.100 triệu đồng, ước đạt 160,07% so dự toán giao, trong đó thu cân đối ngân sách là 388.500 triệu đồng, ước đạt 170,10% so dự toán giao.

(Kèm theo phụ biểu thu)

2. Biện pháp thực hiện:

- Các ngành, địa phương thường xuyên theo dõi sát diễn biến tình hình thu, nắm chắc các nguồn thu, số lượng doanh nghiệp và người nộp thuế trên địa bàn. Chú trọng công tác phân tích dự báo nguyên nhân tăng, giảm nguồn thu theo lĩnh vực, địa bàn, từ đó dự báo khả năng thu từng tháng, quý, năm sát với thực tế phát sinh. Xác định rõ các nguồn thu còn tiềm năng, các lĩnh vực loại thuế còn thất thu để đề xuất các giải pháp quản lý có hiệu quả.

- Tăng cường công tác tuyên truyền, hỗ trợ đối với người nộp thuế, hướng dẫn người nộp thuế thực hiện kê khai đúng, sát thực tế và nộp thuế đúng quy định, nhất là các hoạt động kinh doanh chuyển nhượng bất động sản.

- Triển khai đồng bộ các biện pháp quản lý thuế, trong đó chú trọng tăng cường công tác kiểm tra thuế tại trụ sở người nộp thuế theo đúng kế hoạch. Đẩy mạnh công tác quản lý thu hồi nợ đọng thuế theo đúng thủ tục, trình tự quy định của pháp luật, không để nợ mới phát sinh.

- Tiếp tục thực hiện tốt công tác ủy nhiệm thu thuế đối với cá nhân nộp thuế khoán theo đúng quy định nhằm tạo thuận lợi cho người nộp thuế.

- Tham mưu UBND huyện tiếp tục vận động, đôn đốc các tổ chức, cá nhân trên địa bàn chấp hành nộp sớm vào NSNN các khoản tiền sử dụng đất đã được ghi nợ từ năm 2019 trở về trước. Tăng cường các biện pháp nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác quản lý nợ và cưỡng chế nộp thuế.

- Tiếp tục triển khai áp dụng hóa đơn điện tử đối với doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh trên địa bàn theo đúng quy định tại Quyết định số 206/QĐ-BTC ngày 24/02/2022 của Bộ Tài chính về việc triển khai áp dụng hóa đơn điện tử tại 57 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và lộ trình thực hiện hóa đơn điện tử, chứng từ điện tử theo Công văn 114/TCT-CNTT ngày 12/01/2022 của Tổng cục Thuế. Đồng thời, thực hiện nghiêm túc Nghị định số 15/2022/NĐ-CP ngày 28/01/2022 của Chính phủ quy định chính sách miễn, giảm

thuế theo Nghị quyết số 43/2022/QH15 của Quốc hội về chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế- xã hội.

II. VỀ CHI NGÂN SÁCH:

1. Nhiệm vụ chi:

Căn cứ vào kết quả chi cân đối ngân sách 08 tháng đầu năm, và ước nhiệm vụ chi cân đối ngân sách 09 tháng đầu năm. Nhiệm vụ chi cân đối ngân sách 03 tháng cuối năm 2022 là: 149.590 triệu đồng. Trong đó: chi đầu tư XD CB tập trung ngân sách huyện 34.533 triệu đồng; chi thường xuyên 110.847 triệu đồng. Ước thực hiện tổng chi ngân sách năm 2022 là: 472.585 triệu đồng, ước đạt 102,90% so dự toán năm (459.250 triệu đồng).

(Kèm theo phụ biểu chi)

2. Biện pháp thực hiện:

Các cơ quan, ban ngành huyện và UBND các xã - thị trấn căn cứ dự toán năm 2022, nhiệm vụ chi ngân sách 09 tháng đầu năm 2022 và theo số thu ngân sách thực tế trên địa bàn chỉ đạo bộ phận chuyên môn chấp hành kỷ luật trong điều hành quản lý thu - chi ngân sách, tiến hành rà soát lại việc sử dụng ngân sách của đơn vị mình phải đảm bảo tuân thủ dự toán đã được UBND huyện và HĐND xã - thị trấn giao theo đúng chế độ và định mức quy định trên tinh thần tiết kiệm, chống lãng phí, đúng tiến độ phục vụ kịp thời cho nhiệm vụ chính trị của đơn vị.

Phòng Tài chính – KH huyện thường xuyên theo dõi, giám sát nhiệm vụ chi ngân sách, công tác phân khai vốn, quản lý ngân sách không để tình trạng bố trí vốn không hiệu quả, gây lãng phí vốn. Kịp thời tham mưu UBND huyện chỉ đạo điều hành đúng theo Nghị quyết của HĐND huyện và quy định của Luật ngân sách. Đồng thời, phối hợp KBNN huyện kiểm soát chi chặt chẽ, hạn chế tình trạng mất cân đối thu - chi ngân sách.

Tổ chức thực hiện nghiêm, có hiệu quả các biện pháp chống thất thoát, lãng phí, tham nhũng. Tăng cường thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2022 được ban hành tại Quyết định số 2262/QĐ-TTg ngày 31/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ. UBND huyện chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, UBND các xã - thị trấn triển khai thực hiện tốt các văn bản như: Chỉ thị số 30/CT-TTg ngày 26/11/2012 của Thủ tướng Chính phủ; Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 08/01/2022 của Chính phủ và các văn bản chỉ đạo của tỉnh, huyện có liên quan.

Quản lý chặt chẽ việc sử dụng vốn đầu tư từ NSNN bảo đảm hiệu quả, thực hiện đồng bộ các giải pháp quản lý nợ công. Tăng cường kiểm tra, giám sát chặt chẽ công tác đầu tư XD CB đảm bảo thực hiện đầy đủ, đúng quy định các khâu không để xảy ra sai phạm, nâng cao chất lượng đầu tư công trình hiệu quả mang lại lợi ích kinh tế và hiệu quả xã hội; Quan tâm công tác quyết toán, tất toán công trình không để tồn đọng.

Triển khai thực hiện Chỉ thị số 27/CT-TTg ngày 27/12/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường, đẩy mạnh công tác quyết toán vốn đầu tư các dự án hoàn thành sử dụng vốn NSNN.

Thực hiện nghiêm các kiến nghị của cơ quan kiểm toán nhà nước, Thanh tra và báo cáo kết quả thực hiện kiến nghị theo quy định.

Trên đây là báo cáo tình hình thực hiện thu - chi ngân sách 09 tháng đầu năm 2022 và phương hướng nhiệm vụ 03 tháng cuối năm 2022 trên địa bàn huyện Tân Châu.

Nơi nhận:

- TT.Huyện Ủy;
- TT.HĐND huyện;
- CT, các PCT.UBND huyện;
- Phòng TCKH huyện;
- Lưu VP. HĐND-UBND.

CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Thị Phượng

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN CHÂU**

PHỤ BIỂU BÁO CÁO THU NGÂN SÁCH

(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày tháng năm 2022 của UBND huyện)

Đvt: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG CÁC KHOẢN THU	Dự toán năm 2022	Trong đó		Thực hiện đến ngày 31/08/2022	Trong đó		U' TH 09 tháng đầu năm 2022	U' TH năm 2022	Tỷ lệ % TH/DT		
			Huyện	Xã		Huyện	Xã			TH đến 31/08/2022	U' TH 09 tháng đầu năm 2022	U' TH năm 2022
1	2	3	4	5	6-7+8	7	8	9	10	11-6.3	12-9.3	13-9.3
I	CÁC KHOẢN THU TÍNH ĐIỀU TIẾT CHO HUYỆN	94,940	94,940		65,728	65,728		71,205	85,450	69.23%	75.00%	90.00%
II	THU CÁN ĐỐI NGÂN SÁCH	228,400	181,598	46,802	283,324	251,590	31,734	308,325	388,500	124.05%	134.99%	170.10%
I	Thuế từ khu vực CTN ngoài quốc doanh	115,000	89,034	25,966	107,792	103,507	4,285	117,992	153,530	93.73%	102.60%	133.50%
	- Thuế GTGT	100,950	76,478	24,472	93,523	89,295	4,228	102,923	135,950	92.64%	101.95%	134.67%
	- Thuế TNDN	7,500	6,056	1,444	7,650	7,650		7,950	9,000	102.00%	106.00%	120.00%
	- Thuế TTDB từ hàng hóa, dịch vụ trong nước	50		50	57		57	57	80	114.00%	114.00%	160.00%
	- Thuế Tài Nguyên	6,500	6,500		6,562	6,562		7,062	8,500	100.95%	108.65%	130.77%
	- Thu khác CTN, NQD (không gồm thu tịch thu)				-			-	-			
2	Lệ phí trước bạ	15,000	5,050	9,950	28,662	6,717	21,945	31,312	40,000	191.08%	208.75%	266.67%
3	Thuế SD đất nông nghiệp				-			-	-			
4	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	100		100	65		65	75	100	65.00%	75.00%	100.00%
5	Phí - lệ phí	4,200	2,209	1,991	2,761	1,460	1,301	2,921	3,430	65.74%	69.55%	81.67%
6	Thuế thu nhập cá nhân	37,000	29,605	7,395	90,848	88,511	2,337	98,998	123,040	245.54%	267.56%	332.54%
7	Thu tiền sử dụng đất	40,000	40,000		32,934	32,934		35,934	45,000	82.34%	89.84%	112.50%
8	Thu khác NS	14,000	13,000	1,000	11,981	10,546	1,435	12,602	14,000	85.58%	90.01%	100.00%
	- Thu phạt ATGT	9,000	9,000		4,368	4,368		4,868	5,500	48.53%	54.09%	61.11%
	- Thu khác	5,000	4,000	1,000	7,613	6,178	1,435	7,734	8,500	152.26%	154.68%	170.00%
9	Các khoản thu tại xã	400		400	366		366	376	400	91.50%	94.00%	100.00%
10	Thu tiền cho thuê mặt nước, mặt biển	2,700	2,700		7,915	7,915		8,115	9,000	293.15%	300.56%	333.33%

STT	NỘI DUNG CÁC KHOẢN THU	Dự toán năm 2022	Trong đó		Thực hiện đến ngày 31/08/2022	Trong đó		Ư'TH 09 tháng đầu năm 2022	Ư'TH năm 2022	Tỷ lệ % TH/DT		
			Huyện	Xã		Huyện	Xã			TH đến 31/08/2022	Ư'TH 09 tháng đầu năm 2022	Ư'TH năm 2022
1	2	3	4	5	6-7-8	7	8	9	10	11-63	12-93	13-93
III	THU BỔ SUNG TÀI NS CẤP TRÊN	135,910	87,430	48,480	243,753	197,714	46,039	248,000	261,150	179,35%	182,47%	192,15%
1	Bổ sung cân đối	135,150	86,970	48,180	121,647	90,096	31,551	125,000	135,150	90,01%	92,49%	100,00%
2	Bổ sung có mục tiêu	760	460	300	122,106	107,618	14,488	123,000	126,000	16066,58%	16184,21%	16578,95%
	TỔNG THU	459,250	363,968	95,282	592,805	515,032	77,773	627,530	735,100	129,08%	136,64%	160,07%

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN CHÂU**

PHỤ BIỂU CHI NGÂN SÁCH

(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày tháng năm 2022 của UBND huyện)

Đơn: triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DT 2022	Trong đó		Thực hiện đến ngày 31/08/2022	Trong đó		U' TH 09 tháng đầu năm 2022	U' TH năm 2022	Tỷ lệ % TH/DT		
			Huyện	Xã		Huyện	Xã			TH đến 31/08/2022	U' TH 09 tháng đầu năm 2022	U' TH năm 2022
1	2	3	4	5	6-7-8	7	8	9	10	11-6-3	12-9-3	13-9-3
	TỔNG CHI NSNN TRÊN ĐỊA BÀN (A+B+C+D)	459,250	363,968	95,282	260,502	194,733	65,769	322,715	472,585	56,72%	70,27%	102,90%
A	CHI CÁN ĐÓI QUA NSNN	458,490	363,508	94,982	260,059	194,508	65,551	322,235	471,825	56,72%	70,28%	102,91%
1	Chi đầu tư phát triển	67,620	66,620	1,000	24,240	24,240	-	33,087	67,620	35,85%	53,47%	100,00%
	Chi đầu tư XD CB từ nguồn ngân sách huyện	27,120	26,120	1,000	13,777	13,777		14,500	27,120	50,80%	53,47%	100,00%
	Trong đó: Nguồn thu tiền SDD	32,000	32,000	9,963	9,963	9,963		11,500	32,000	31,13%	35,94%	100,00%
	Chi đầu tư tạo quỹ phát triển đất	8,000	8,000	-	-	-		6,587	8,000	0,00%	82,34%	100,00%
	Chi ủy thác qua ngân hàng CS xã hội	500	500	500	500	500		500	500	100,00%	100,00%	100,00%
H	Chi thường xuyên	381,700	289,638	92,062	234,804	169,253	65,551	284,648	395,495	61,52%	74,57%	103,61%
1	Chi sự nghiệp kinh tế	23,059	18,070	4,989	6,900	5,500	1,400	10,961	23,074	29,92%	47,53%	100,07%
	Chi sự nghiệp nông - lâm - thủy lợi	350	350	350	84	62	22	175	315	24,00%	50,00%	90,00%
	Chi sự nghiệp giao thông	3,500	3,500	3,764	3,764	3,716	48	3,800	5,000	107,54%	108,57%	142,86%
	Chi sự nghiệp kiến thiết thị chính	3,500	2,500	1,000	2,078	1,265	813	1,750	3,150	59,37%	50,00%	90,00%
	Giao thông đô thị	8,500	8,500	-	-	-		2,250	7,650	0,00%	26,47%	90,00%
	Chi sự nghiệp quy hoạch	2,000	2,000	-	-	-		1,000	1,800	0,00%	50,00%	90,00%
	Chi ATGT	500	500	75	75	75		150	450	15,00%	30,00%	90,00%
	Chi sự nghiệp kinh tế khác	4,589	600	3,989	899	382	517	1,836	4,589	19,59%	40,00%	100,00%
	Kinh phí hỗ trợ sản xuất lúa theo ND 35/2015/ND-CP	120	120						120	0,00%	0,00%	100,00%
2	Chi sự nghiệp môi trường	4,600	4,000	600	1,406	1,345	61	2,046	4,128	30,57%	44,48%	89,74%
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo	202,815	202,815	-	114,672	114,672	-	141,963	202,815	56,54%	70,00%	100,00%
	Chi SN giáo dục	200,010	200,010		113,119	113,119		140,000	200,010	56,56%	70,00%	100,00%
	Chi SN đào tạo (TTBDCT huyện)	1,260	1,260		783	783		978	1,260	62,14%	77,62%	100,00%
	Chi SN đào tạo (TTGDNN-GD TX huyện)	1,545	1,545		770	770		985	1,545	49,84%	63,75%	100,00%

STT	NỘI DUNG	DT 2022	Trong đó		Thực hiện đến ngày 31/08/2022	Trong đó		ƯTH 09 tháng đầu năm 2022	ƯTH năm 2022	Tỷ lệ % TH/DT			
			Huyện	Xã		Huyện	Xã			TH đến 31/08/2022	ƯTH 09 tháng đầu năm 2022	ƯTH năm 2022	
													11-6.3
1	2	3	4	5	6=7+8	7	8	9	10	11-6.3	12-9.3	13-9.3	
4	Chi sự nghiệp VH-TT												
5	Chi SN phát thanh truyền hình	6,051	2,790	3,261	3,283	1,995	1,288	4,538	6,051	54.26%	75.00%	100.00%	
6	Chi SN TDTT												
7	Sự nghiệp đảm bảo xã hội	23,305	22,352	953	34,443	20,799	13,644	35,500	38,000	147.79%	152.33%	163.06%	
8	Sự nghiệp y tế	1,866	1,866		1,039	1,039		1,250	1,866	55.68%	66.99%	100.00%	
9	Chi quản lý hành chính	81,530	30,815	50,715	50,500	19,841	30,659	60,400	81,100	61.94%	74.08%	99.47%	
9.1	Chi thường xuyên	76,390	26,515	49,875	48,337	17,913	30,424	57,700	76,390	63.28%	75.53%	100.00%	
	Quản lý nhà nước	43,047	13,074	29,973	25,011	9,130	15,881	31,500	43,047	58.10%	73.18%	100.00%	
	Đặc thù biên giới	960	400	560	186	186		450	960	19.38%	46.88%	100.00%	
	Đảng + Đoàn thể	28,258	11,466	16,792	20,225	7,567	12,658	22,500	28,258	71.57%	79.62%	100.00%	
	Tổ chức chính trị, Hội đặc thù	4,125	1,575	2,550	2,915	1,030	1,885	3,250	4,125	70.67%	78.79%	100.00%	
9.2	Mua sắm, sửa chữa, nhiệm vụ đột xuất	5,140	4,300	840	2,163	1,928	235	2,700	4,710	42.08%	52.53%	91.63%	
	Mua sắm, sửa chữa	1,000	1,000		522	522		600	900	52.20%	60.00%	90.00%	
	Nhiệm vụ đặc thù	4,140	3,300	840	1,641	1,406	235	2,100	3,810	39.64%	50.72%	92.03%	
10	Chi an ninh - quốc phòng	34,664	3,724	30,940	21,030	2,812	18,218	26,000	34,664	60.67%	75.01%	100.00%	
	An ninh	14,833	860	13,973	7,468	325	7,143	11,120	14,833	50.35%	74.97%	100.00%	
	Quốc phòng	19,831	2,864	16,967	13,562	2,487	11,075	14,880	19,831	68.39%	75.03%	100.00%	
11	Chi khác ngân sách	2,630	2,026	604	1,009	728	281	1,350	2,630	38.37%	51.33%	100.00%	
12	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	130	130		55	55		80	117	42.31%	61.54%	90.00%	
13	Chi khen thưởng	1,050	1,050		467	467		560	1,050	44.48%	53.33%	100.00%	
III	Dự phòng	9,170	7,250	1,920	1,615	1,015		4,500	8,710	11.07%	49.07%	94.98%	
B	Chi từ nguồn tính BSMT	760	460	300	443	225	218	480	760	58.29%	63.16%	100.00%	
1	Kinh phí BCD ATGT (huyện, xã)	760	460	300	443	225	218	480	760	58.29%	63.16%	100.00%	